

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 14/2017/KDTM-ST

Ngày: 19-9-2017.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Xệt;
2. Ông Phạm Quang Trí.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T U, tỉnh B D tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T U, tỉnh B D xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 36/2017/TLST-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2017 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ I G P; địa chỉ: Số 64/9D, đường H H T, phường 7, quận B T, Thành phố H C M. Người đại diện theo pháp luật: Bà L T B P, chức vụ: Giám đốc, có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH G V N; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 7, phường U H, thị xã T U, tỉnh B D.

Người đại diện theo pháp luật: Bà G S J. Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2017, nguyên đơn trình bày: Ngày 14/4/2017, Công ty TNHH G V N (gọi tắt là G V) ký hợp đồng mua bán với Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ I G P (sau đây gọi tắt là I G P) để mua bao nylon các loại giá như sau: Loại bao nylon có in chữ Lary Bee, số lượng 119.900 cái, đơn giá 683 đồng/1 cái, thành tiền 81.891.700 đồng; loại bao nylon không in chữ, số lượng 33.500 cái, đơn giá 650 đồng/cái, thành tiền 21.775.000 đồng; tiền

thuế 2 loại bao nylon là 10%; tổng cộng là 114.033.370 đồng. Phương thức thanh toán: Ngay sau khi giao hàng ngày 18/4/2017, G V thanh toán 57.016.685 đồng; số tiền còn lại 57.016.685 đồng, G V phải thanh toán cho I G P khi nhận đủ hàng hóa và chứng từ trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày xuất hóa đơn. Trường hợp bên mua thanh toán chậm thì phải chịu lãi suất 0,05%/ngày. Hợp đồng được lập thành 4 bản, 2 bản tiếng Anh và 2 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 1 bản tiếng Anh và 1 bản tiếng Việt.

Thực hiện hợp đồng: Do G V cần hàng gấp, yêu cầu I G P giao sớm nên ngày 17/4/2017, I G P giao cho G V 30 kiện hàng, số lượng 60.000 cái loại bao nylon có in chữ Lary Bee; 14 kiện hàng, số lượng 33.500 cái loại bao ny lon không in chữ theo 2 Phiếu xuất kho ngày 14/7/2017. Sau đó, theo yêu cầu của G V là chưa giao tiếp số hàng còn lại vào ngày 18/4/2017 như thoả thuận trong hợp đồng. Ngày 21/6/2017, I G P giao toàn bộ số hàng còn lại. Sau khi ký hợp đồng, I G P đã giao đủ và đúng hàng hoá theo hợp đồng cho G V nhưng từ khi nhận hàng đến nay, G V chưa thanh toán tiền cho I G P.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu G V phải thanh toán cho I G P tiền nợ gốc và tiền lãi (tính từ ngày 14/4/2017 đến ngày 14/9/2017) là: 114.033.370 đồng + $(114.033.370 \text{ đồng} \times 180 \text{ ngày}) \times 0,05\% = 124.296.373 \text{ đồng}$.

Quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù đại diện theo pháp luật của G V là bà G S J không trực tiếp ký hợp đồng nhưng ngày 06/6/2017 có lập Giấy uỷ quyền cho bà K E H quyết định mọi nội dung liên quan đến hoạt động của G V. Ngày 30/8/2017, bà K E H có Công văn số 20.2017/GB trả lời I G P về việc thanh toán nợ tồn đọng.

Buổi làm việc ngày 09/8/2017, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cho biết, sau khi nộp đơn khởi kiện, ngày 20/7/2017 G V thanh toán được cho I G P 20.000.000 đồng trong tổng số nợ nói trên. Do đó, I G P chỉ yêu cầu G V thanh toán 94.033.370 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính từ ngày 18/4/2017 cụ thể như sau: Tiền lãi tính từ ngày 18/4/2017 đến ngày 20/7/2017, tính tròn là 3 tháng: $114.033.370 \text{ đồng} \times 90 \text{ ngày} \times 0,05\%/\text{ngày} = 5.131.501 \text{ đồng}$; từ ngày 21/7/2017 đến ngày 19/9/2017 là 59 ngày tính trên số nợ còn lại là 94.033.370 đồng, tổng cộng tiền lãi là: 7.905.485 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản sao các tài liệu chứng cứ sau: Đơn đặt hàng ngày 17/3/2017, 12/4/2017; Hợp đồng thương mại số: GP-GB001 ngày 14/4/2017 tiếng Việt và tiếng Anh; 2 phiếu xuất kho ngày 17/4/2017, 01 phiếu xuất kho ngày 21/6/2017; Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000543 ngày 21/6/2017; Bảng đối chiếu công nợ tháng 3, tháng 4/2017; Giấy Ủy quyền ngày 06/6/2017 của G V; Công văn số 20.2017/GB ngày 30/8/2017 của G V

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu G V thanh toán tiền nợ gốc là 94.033.370 đồng, thanh toán một lần, không yêu cầu tính lãi khoản nợ gốc này đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Kể từ sau ngày xét xử và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu G V vẫn chưa thanh toán nợ thì đề nghị Hội đồng xét xử buộc G V phải thanh toán tiền lãi theo thoả thuận trong hợp đồng là 0,05%/ngày.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đại diện G V nhiều lần nhưng G V không cử người đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan để giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải thanh toán khoản nợ gốc 94.033.370 đồng và tuyên về nghĩa vụ chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng là 0,05%/ngày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. G V có trụ sở chính tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đại diện G V: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và văn bản triệu tập hợp lệ đại diện G V tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lúc 09 giờ ngày 25 và 30/8/2017; triệu tập tham gia phiên tòa ngày 11 và 19/9/2017 nhưng đại diện G V không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào thể hiện vì lý do bất khả kháng không thể đến Tòa án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn G V theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào các ngày 25/8/2017, 30/8/2017, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để các bên tiếp cận chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được. Tuy nhiên, tại các phiên họp và hòa giải, đại diện bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ do G V nhưng G V vẫn không có ý kiến nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

Xét, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Về hình thức và nội dung của Hợp đồng thương mại số GP-GB001 ngày 14/4/2017 và Hóa đơn giá trị gia tăng G V giao nộp cho Tòa án thể hiện, I G P với G V có ký hợp đồng mua bán hàng hoá là bao ny lon các loại với tổng số tiền là 114.033.370 đồng. I G P đã giao hàng vào ngày 17/4/2017 và ngày 21/6/2017 và cũng đã xuất hoá đơn cho G V nhưng đến ngày 20/7/2017, G V chỉ thanh toán cho I G P 20.000.000 đồng, số tiền còn lại đến nay vẫn chưa thanh toán. Ngày 30/8/2017, G V gửi Công văn số 20.2017/GB xác định G V còn nợ I G P 94.033.370 đồng.

Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại quy định: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*”; Khoản 1 Điều 55 Luật thương mại năm 2005 quy định về Thời hạn thanh toán như sau: “*Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định, Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá*”, I G P đã giao hàng ngày 17/4/2017, 21/6/2017 và xuất hoá đơn cho G V ngày 21/6/2017 nhưng đến tháng 7/2017, G V vẫn chưa thanh toán tiền nên I G P khởi kiện G V yêu cầu phải trả tiền nợ gốc 94.033.370 đồng và tiền lãi là có căn cứ.

Về tiền lãi, theo thỏa thuận trong hợp đồng, bên chậm thanh toán bị phạt theo mức lãi suất 0,05%/ngày, thỏa thuận này không trái pháp luật không trái đạo đức xã hội và cũng phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005 chấp nhận.

Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm b, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 11, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật thương mại 2005.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ I G P đối với bị đơn Công ty TNHH G V N, về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Công ty TNHH G V N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ I G P 94.033.370 (chín mươi bốn triệu ba mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì v còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất thoả thuận là 0,05%/ngày, tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH G V N phải nộp 4.701.669 (bốn triệu bảy trăm linh một ngàn sáu trăm sáu mươi chín) đồng.

Hoàn trả Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ I G P 3.100.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0013197 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T U.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Quang Xệt – Phạm Quang Trí

Lê Thị Bích Huế